

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Bổ sung, sửa đổi lần thứ II
ngày 30 tháng 5 năm 2014

MỤC LỤC

Chương I

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Chương II

MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Chương III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 6. Cổ phiếu

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

Điều 9. Thu hồi cổ phần

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 11. Quyền của cổ đông Công ty

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 18. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Chương V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Điều 33. Thư ký Hội đồng quản trị

Chương VI

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 34. Tổng Giám đốc điều hành

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Điều 36. Công khai lợi ích liên quan

Điều 37. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Chương VII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ban Kiểm soát

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Điều 40. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Chương VIII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ CÁC TỔ CHỨC TRONG CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

Điều 45. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

Chương IX

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 46. Trả cổ tức

Điều 47. Giải quyết xử lý trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ

Chương X

NĂM TÀI CHÍNH, TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM, KIỂM TOÁN, CÔNG BỐ THÔNG TIN, CON DẤU CỦA CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Trình báo cáo hàng năm

Điều 50. Kiểm toán

Điều 51. Công bố thông tin về Công ty

Điều 52. Con dấu của Công ty

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

Điều 54. Thanh lý

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Chương XI

SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Điều 57. Điều khoản thi hành



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (dưới đây gọi tắt là Công ty) là cơ sở pháp luật cho hoạt động của Công ty. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp sẽ là những quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được điều chỉnh và bổ sung thông qua theo quyết định hợp lệ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông vào ngày 30 tháng 5 năm 2014, gồm các điều khoản như sau:

Chương I

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009;

b) **“Pháp luật”** có nghĩa là các luật, pháp lệnh, các văn bản dưới luật (nghị định, thông tư, quyết định) và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành từng thời điểm;

c) **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d) **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;

e) **“Vốn Điều lệ”** là số vốn do các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty;

f) **“Cổ đông”** là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;

g) **“Người quản lý”** có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty;

h) **“Người đại diện theo ủy quyền”** là cá nhân được cổ đông của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

i) Công ty được coi là **“Công ty mẹ”** của Công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đó;

- Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của Công ty đó;

- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

j) **“Tổ chức lại Công ty”** là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) **“Những người có liên quan”** là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

2. Trong Điều lệ này, một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

* Tên bằng tiếng Việt:

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

* Tên bằng tiếng Anh:

Tay Ninh Tourist - Trading Joint - Stock Company

* Tên viết tắt là: **TTC**.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: 1253 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: 84.66.3822522 - 3822538 - 3822376

- Fax: 84.66.3822470 - 3828645

- Email: tanitour.tayninh@gmail.com

- Website: <http://www.tanitour.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn và được tính từ ngày thành lập. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 của Điều lệ này.

Chương II

MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu: Là huy động vốn và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác, phục vụ tốt nhất cho khách hàng, nhằm mục đích là thu lợi nhuận cao nhất, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

a) Đại lý du lịch:

Cụ thể: Dịch vụ du lịch, tổ chức thực hiện các tour lữ hành quốc tế và nội địa;

b) Bán buôn thực phẩm;

c) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

d) Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;

e) Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội);

Cụ thể: Đối ngoại tề cho du khách.

f) Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

g) Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...);

h) Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);

i) Bán buôn đồ uống;

j) Đại lý, môi giới, đấu giá;

Đại lý: Bán vé máy bay, dịch vụ thông tin.

k) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

l) Bán buôn tổng hợp;

m) Vận tải hành khách đường bộ khác;

n) Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;

o) Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng kinh doanh;

p) Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

q) Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.

2. Địa bàn kinh doanh của Công ty: Trong và ngoài nước.



Chương III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là **45.702.100.000** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ bảy trăm lẻ hai triệu một trăm ngàn đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **4.570.210** cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VNĐ/ cổ phần;

b) Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành tại thời điểm thành lập đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ;

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật;

c) Công ty có thể phát hành cổ phần với hình thức trả góp. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần;

d) Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần, các cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện tại theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ nắm giữ;

e) Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những hình thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các luật có liên quan với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phần mua lại có thể được Hội đồng quản trị chào bán hoặc phân phối lại theo các hình thức khác nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông đã được chào bán.

4. Công ty có quyền phát hành trái phiếu khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông. Công ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và các chứng quyền đặt mua. Các chứng quyền đặt mua là quyền dành cho các cổ đông hiện có của Công ty được mua một lượng cổ phần trong đợt phát hành cổ phần phổ thông mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ nắm giữ. Người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch; số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
- f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- i. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác, thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó, đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau:

- a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác, trừ trường hợp bị mất phải cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy;
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

* Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười (10) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

7


2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

4. Cổ đông sở hữu 5% tổng số cổ phần trở lên phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo được đăng trên báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;
- b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại

Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;

c) Cổ đông có thể chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết, thì số cổ phần còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu, trong trường hợp này các thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

5. Các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu.

* Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký tên. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

* Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu ghi tên số chứng nhận sở hữu cổ phần thì Công ty ghi số cổ phần đã chuyển nhượng và xác nhận số cổ phần sở hữu còn lại. Nếu là cổ đông mới Công ty sẽ cấp mới ghi nhận số chứng nhận sở hữu cổ phần.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, việc chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo quy định hướng dẫn của Chính phủ.

7. Trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày thành lập Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được



chuyển nhượng cổ phần cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập Công ty.

8. Trường hợp một cổ đông bị chết, người thừa kế hoặc những người thừa kế hợp pháp sẽ được Công ty thừa nhận là người hoặc những người duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Nếu có nhiều người thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo phải nêu rõ thời hạn thanh toán, địa điểm thanh toán và phải nêu rõ ràng trong trường hợp không thanh toán đúng hạn, số cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo và bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó, mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.



6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

* Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban Kiểm soát
4. Tổng Giám đốc điều hành

* **Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

Điều 11. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 8 của Điều lệ này;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;

g) Yêu cầu Công ty mua lại số cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;

h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát (nếu có);

b) Xem xét, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản;



phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;

c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

* Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân; hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất là ngay sau khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết đăng ký mua trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;



chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

* Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;

* Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;


g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

i) Lựa chọn Công ty kiểm toán;

j) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty và chỉ định Ban thanh lý;

k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông Công ty;



l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông là tổ chức có thể cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều người được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

f) Họ, tên chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

* Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 14. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một (01) lần.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

* Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận thông qua các vấn đề sau đây:

a) Báo cáo tài chính hằng năm;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;

c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;



c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Trong trường hợp Điều lệ này không quy định thời hạn thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

* Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

* Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

* Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian, địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 15. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.



2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, kiến nghị được bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp, ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.



* Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.

2. Công ty phải công bố thông báo mời họp và các tài liệu liên quan trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 18. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

* Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 19: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi



(30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

4. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.



6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết hoặc có quyền trì hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã đủ số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được một cách công bằng và hợp pháp:

* Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

11. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 10 Điều này. Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực biểu quyết tại các cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

b) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

19


c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại cổ phần được quyền chào bán;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

g) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c) Việc biểu quyết bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các hợp đồng giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ Công ty được ký kết với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý. Các hợp đồng, giao dịch trên bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng giao dịch đó.

5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền

biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung, chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện đúng như quy định.

6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông trừ khoản 2, Điều 21 của Điều lệ này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

* Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty



sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

* Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và người giám sát kiểm phiếu.

* Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và phải gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung họp;

d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;



f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

g) Các quyết định đã được thông qua;

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký;

* Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

* Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

* Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty có số lượng là 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với



số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nắm giữ cổ phần của Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản lý tổ chức kinh doanh Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực trong công tác.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động tổ chức kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, sản xuất kinh doanh trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Kiến nghị, thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá nhất định;



f) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày;

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc điều hành Công ty; quyết định mức lương và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và các quyền lợi khác của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu hoặc phân góp vốn ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

h) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;

i) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy, Quy chế quản lý nội bộ; quyết định góp vốn, mua cổ phần của Công ty khác;

j) Quyết định đơn giá tiền lương hàng năm của Công ty;

k) Quyết định cử người tham gia giải quyết những vụ tranh chấp có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty;

l) Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc điều hành nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và các Quy định của Hội đồng quản trị;

m) Kiến nghị việc tăng, giảm vốn điều lệ Công ty;

n) Kiến nghị mức cổ tức chi trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

o) Kiến nghị các loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán của từng loại;

p) Kiến nghị tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

r) Báo cáo về hoạt động của HĐQT và trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông thường niên;

s) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập Chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các Công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua công ty và liên doanh);

d) Phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng giao dịch khác có giá trị bằng 20% đến nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính

gần nhất được kiểm toán; quyết định các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f) Cử và bãi nhiệm những người được Công ty ủy quyền là đại diện Công ty và luật sư của Công ty;

g) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

h) Việc mua hoặc bán cổ phần của các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i) Việc định giá các tài sản vốn góp của Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

j) Mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần theo từng loại; quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

4. Các hợp đồng giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ Công ty được ký kết với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Các hợp đồng, giao dịch nêu trên bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên

Hội đồng quản trị phân đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc điều hành nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm chấp thuận.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Kiến nghị chương trình, nội dung và các tài liệu liên quan, dự kiến thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số, quá bán.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác khi được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác trong Công ty;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.



4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và ra quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

* Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

* Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

* Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

* Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:



- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền; họ, tên các thành viên không dự họp lý do;
- e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

* Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong các cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập thành tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Thành viên Hội đồng quản trị đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.



2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

* Trong trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 33. Thư ký Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm thư ký Hội đồng quản trị. Tiền lương và các lợi ích khác của Thư ký do Hội đồng quản trị quyết định. Thư ký Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ như sau:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.
3. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
6. Các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

Chương VI

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 34. Tổng Giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Tổng Giám đốc có những quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đề xuất đơn giá tiền lương của Công ty để Hội đồng quản trị quyết định;
- e) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, trả lương và các lợi ích khác đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;
- f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
- g) Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- h) Tuyển dụng lao động;
- i) Kiến nghị phương án trả cổ tức;
- j) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- k) Vào đầu quý IV hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- l) Kiến nghị những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;
- m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, phải thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm và phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 2. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong công tác quản lý tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Điều 36. Công khai lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty bao gồm:



a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính ngành nghề kinh doanh, số, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, địa chỉ, trụ sở chính ngành nghề kinh doanh, số, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh của doanh nghiệp mà những liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải thông báo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành nhân danh cá nhân hoặc người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện không khai báo hoặc không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 37. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty có các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin bí quyết, cơ hội của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.



2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Chương VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát Công ty có số lượng là ba (03) thành viên, trong đó phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu người quản lý của Công ty cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

d) Trưởng Ban Kiểm soát được mời dự họp Hội đồng quản trị và được phát biểu đóng góp trong cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Sau khi tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát, nhưng không được ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong cuộc họp của Ban Kiểm soát là hai (02) người.

4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty;



d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong công tác

2. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty, thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

Điều 40. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

* Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

4. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này; Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

* Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty quy định tại Điều 36 của Điều lệ này thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.



9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

10. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

* Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập với mức hợp lý. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát phải lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.


35

5. Trường hợp vi phạm theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

* Mọi thu nhập là lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Thành viên Ban Kiểm soát đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị bãi nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét bãi nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Chương VIII QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ CÁC TỔ CHỨC TRONG CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này đều có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại

diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của họ với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ của Công ty phải được công bố trên website của Công ty. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty.

Điều 45. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IX PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 46. Trả cổ tức

1. Căn cứ vào kết quả kiểm toán và kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát về báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, Công ty sẽ chi trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác cũng như bù đắp các khoản chi phí hợp lệ mà không được tính vào giá thành, đồng thời trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật nhưng phải bảo đảm trả đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả.

2. Trích lập các quỹ hàng năm như sau:

- a) Trích quỹ dự phòng tài chính và được trích cho đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ;
- b) Trích quỹ đầu tư phát triển;
- c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

* Số tỷ lệ thực tế trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Mục đích sử dụng các quỹ của Công ty:

a) Quỹ dự phòng tài chính: dùng để bổ sung vốn điều lệ và bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty;

b) Quỹ đầu tư phát triển: dùng để đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh của Công ty, dùng để góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu;

c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi: dùng để khen thưởng cán bộ, công nhân viên thuộc Công ty quản lý, hoặc những cá nhân, tổ chức ngoài Công ty có góp phần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra quỹ này còn sử dụng chi cho các mục đích phúc lợi tập thể, xã hội

4. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

6. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phần đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phần chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

7. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản khác (có thể bằng các cổ phần của Công ty hoặc các cổ phần hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

8. Cổ tức chi trả bằng tiền mặt thì được trả bằng tiền đồng Việt Nam tại trụ sở chính của Công ty và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Cổ tức có thể trả bằng chuyển khoản đến tài khoản của cổ đông tại Ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản Ngân hàng do cổ đông cung cấp. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

9. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Nhưng cổ phần bổ sung này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho các khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.



10. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

11. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

Điều 47. Giải quyết xử lý trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ

1. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ Hội đồng quản trị có thể giải quyết theo hai phương án sau đây:

a) Lỗ của năm trước chuyển sang năm sau để bù lỗ, thời gian chuyển lỗ theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng quỹ dự phòng tài chính bù lỗ.

2. Hội đồng quản trị Công ty phải quyết định các biện pháp khắc phục không để tình trạng Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài và xử lý giải quyết lỗ trong quá trình kinh doanh, sau đó báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông triệu tập gần nhất các quyết định của Hội đồng quản trị về xử lý giải quyết lỗ trong quá trình kinh doanh của Công ty. Trường hợp lỗ kéo dài hai (02) năm mà Hội đồng quản trị Công ty không khắc phục được, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để đưa ra quyết định giải quyết. Thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Chương X

NĂM TÀI CHÍNH, TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM, KIỂM TÓAN, CÔNG BỐ THÔNG TIN, CON DẤU CỦA CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 49. Trình báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a) Báo cáo thường niên hàng năm gồm:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;



- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh và phương hướng nhiệm vụ năm sau;

- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát.

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

* Các Báo cáo hằng năm phải phản ánh trung thực và khách quan tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính. Nếu Công ty là Công ty mẹ quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 1 của Điều lệ này ngoài báo cáo hằng năm còn phải có báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động, báo cáo tổng hợp công tác quản lý điều hành và báo cáo kiểm toán hợp nhất của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các báo cáo tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất (30) ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh Công ty chậm nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

* Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra tình hình báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình bày báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.



Điều 51. Công bố thông tin về Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 52. Con dấu của Công ty

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Con dấu là tài sản của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật;
- b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 54. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên từ một Công ty kiểm toán. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày Công ty được thành lập và ngày Công ty ngưng hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty thực hiện tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.



3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông: Giữa các cổ đông hay nhóm cổ đông; giữa cổ đông hay nhóm cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác của Công ty. Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể đề nghị một bên thứ ba làm trọng tài để giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

Chương XI

SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ít nhất 75% tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 57. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này gồm 11 Chương và 57 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh nhất trí thông qua bổ sung và điều chỉnh ngày 30 tháng 5 năm 2014 tại Hội trường Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương;

b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh;

- c) Bốn (04) bản lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CHỮ KÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hải

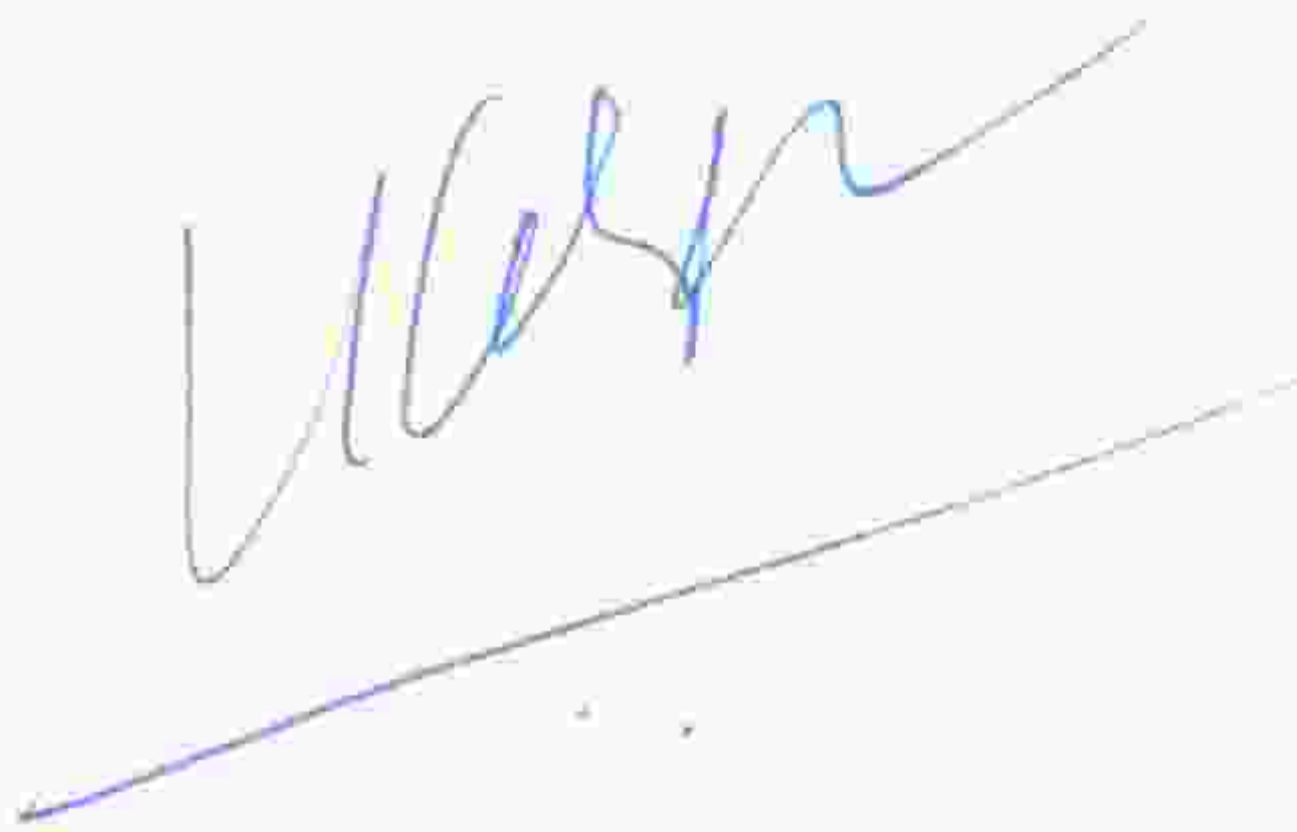
CHỦ TỊCH



The stamp is circular with a red border. Inside, it contains the following text: 'M.S.D.N.: 3900244068 - C.T.C.P.' at the top, 'CÔNG TY CÔ PHẦN' in the center, 'DU LỊCH - THƯƠNG MẠI' below that, and 'TÂY NINH' in large letters at the bottom. The outer ring of the stamp contains 'TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH'.

Lê Hữu Phước

THÀNH VIÊN




Trần Trung Kiên

THÀNH VIÊN



Nguyễn Thanh Huy

THÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Phúc